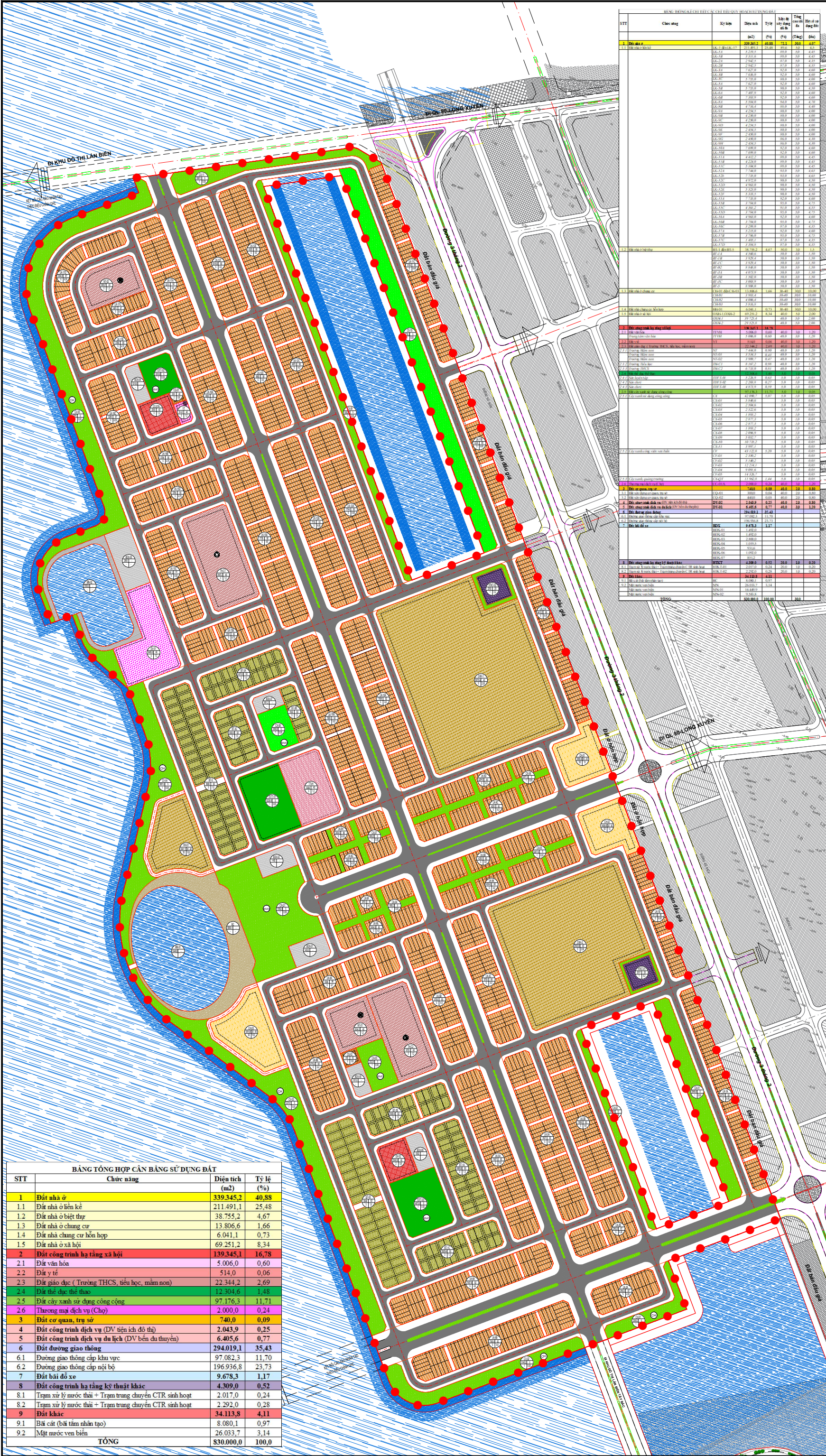




TỔNG HỢP CÁC CHỈ SỐ CHỈ THỊ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT						
STT	Chức năng	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Tổng diện tích quy hoạch (m ²)	Tổng diện tích đất (m ²)
1. Đất nhà ở						
1.1	Đất nhà ở liền kề	1.1	339.345,2	40,88	72,1	4,67
1.2	Đất nhà ở biệt thự	1.2	38.755,2	4,67	8,0	0,50
1.3	Đất nhà ở chung cư	1.3	13.806,6	1,66	3,0	0,19
1.4	Đất nhà ở hỗn hợp	1.4	6.041,1	0,73	1,3	0,08
1.5	Đất nhà ở xã hội	1.5	69.251,2	8,34	15,0	0,94
2. Đất công trình hạ tầng xã hội						
2.1	Đất văn hóa	2.1	5.006,0	0,60	1,1	0,07
2.2	Đất y tế	2.2	514,0	0,06	0,1	0,01
2.3	Đất giáo dục (Trường THCS, tiểu học, mầm non)	2.3	22.344,2	2,69	5,0	0,31
2.4	Đất thể dục thể thao	2.4	12.304,6	1,48	2,7	0,17
2.5	Đất cây xanh sử dụng công cộng	2.5	97.176,3	11,71	21,5	1,34
2.6	Thương mại dịch vụ (Chợ)	2.6	2.000,0	0,24	0,4	0,03
3. Đất cơ quan, trụ sở						
3.1	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác	3.1	740,0	0,09	0,2	0,01
3.2	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác	3.2	2.043,9	0,25	0,4	0,03
3.3	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác	3.3	6.405,6	0,77	1,4	0,09
4. Đất đường giao thông						
4.1	Đường giao thông cấp khu vực	4.1	294.019,1	35,43	65,0	4,06
4.2	Đường giao thông cấp huyện	4.2	97.082,3	11,70	21,5	1,34
4.3	Đường giao thông cấp tỉnh	4.3	196.936,8	23,73	43,5	2,71
5. Đất bãi đỗ xe						
5.1	Đất bãi đỗ xe	5.1	9.678,3	1,17	2,1	0,13
6. Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác						
6.1	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác	6.1	4.309,0	0,52	1,0	0,06
6.2	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác	6.2	2.017,0	0,24	0,4	0,03
6.3	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác	6.3	2.292,0	0,28	0,5	0,03
7. Đất khác						
7.1	Bãi cát (bãi tắm nhân tạo)	7.1	34.113,8	4,11	7,5	0,47
7.2	Mặt nước ven biển	7.2	8.080,1	0,97	1,8	0,11
7.3	Mặt nước ven biển	7.3	26.037,7	3,14	5,8	0,36
TỔNG						
			830.000,0	100,0	180,0	11,10

KÝ HIỆU	
Ranh giới lập quy hoạch	
Đất nhà ở	
Đất nhà ở liền kề	
Đất nhà ở biệt thự	
Đất nhà chung cư	
Đất nhà chung cư hỗn hợp	
Đất công trình hạ tầng xã hội	
Đất văn hóa	
Đất y tế	
Đất giáo dục	
- Trường THCS, tiểu học, mầm non	
Đất thể dục thể thao	
Đất cây xanh sử dụng công cộng	
Đất thương mại	
Đất công trình dịch vụ	
Đất công trình dịch vụ du lịch	
Đất cơ quan	
Đường giao thông	
Đất bãi đỗ xe	
Đất CT hạ tầng kỹ thuật khác	
Mặt nước ven biển	
Đất bãi cát (bãi tắm nhân tạo)	
Trường trung học cơ sở	
Trường tiểu học	
Mầm non	
Chức năng cấp đơn vị ở	
Chức năng cấp huyện	

CHỈ GIỚI XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	
TIM ĐƯỜNG	
CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỘ	
CHỈ GIỚI XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	

A: KÝ HIỆU Ô ĐÁT	B: DIỆN TÍCH Ô ĐÁT (M ²)
C: MẬT ĐỘ XÂY DỰNG TỐI ĐA(%)	D: TẦNG CAO TỐI ĐA(TẦNG)
E: HẸ SỞ SỬ DỤNG ĐẤT (LẦN)	

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ 881/QĐ-UBND NGÀY 25 THÁNG 10 NĂM 2024

CƠ QUAN THAM ĐỊNH:
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ 881/QĐ-UBND NGÀY 25 THÁNG 10 NĂM 2024

CƠ QUAN TẠO CHỨC LẬP QUY HOẠCH, TRÌNH DUYỆT:
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN C.E.O
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ 18A-98024/TP-CEO NGÀY 10 THÁNG 9 NĂM 2024

CÔNG TRÌNH: ĐỊA ĐIỂM
QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU ĐÔ THỊ TÂY BẮC PHƯƠNG VĨNH QUANG GIAI ĐOẠN 2
(KHU ĐÔ THỊ SONASEA KIẾN GIANG CITY) - TỶ LỆ 1/500
ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG VĨNH QUANG, THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIẾN GIANG

BẢN QUYỀN: QH-03A

GHIẾP: 01A0

TỶ LỆ: FIT

NGÀY: .../.../...

THIẾT KẾ: THS.KTS. NGUYỄN THỊ THU HẠNG

CHỦ TRÌ: KTS. NGUYỄN TUẤN ANH

CHỦ NHIỆM: THS.KTS. ĐINH VĂN BÌNH

Q.L. KỸ THUẬT: KS. TRẦN TRÍ DŨNG

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP QUY HOẠCH
CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN THIẾT KẾ C.E.O
ĐỊA CHỈ: TẦNG 3 THÁP CEO, ĐƯỜNG PHẠM HÙNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Tel: 024.7302.6888 E-mail: DESIGN@ceogroup.com.vn

QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU ĐÔ THỊ TÂY BẮC PHƯƠNG VĨNH QUANG GIAI ĐOẠN 2 (KHU ĐÔ THỊ SONASEA KIẾN GIANG CITY) - TỶ LỆ 1/500
BẢN QUYỀN: QH-03A